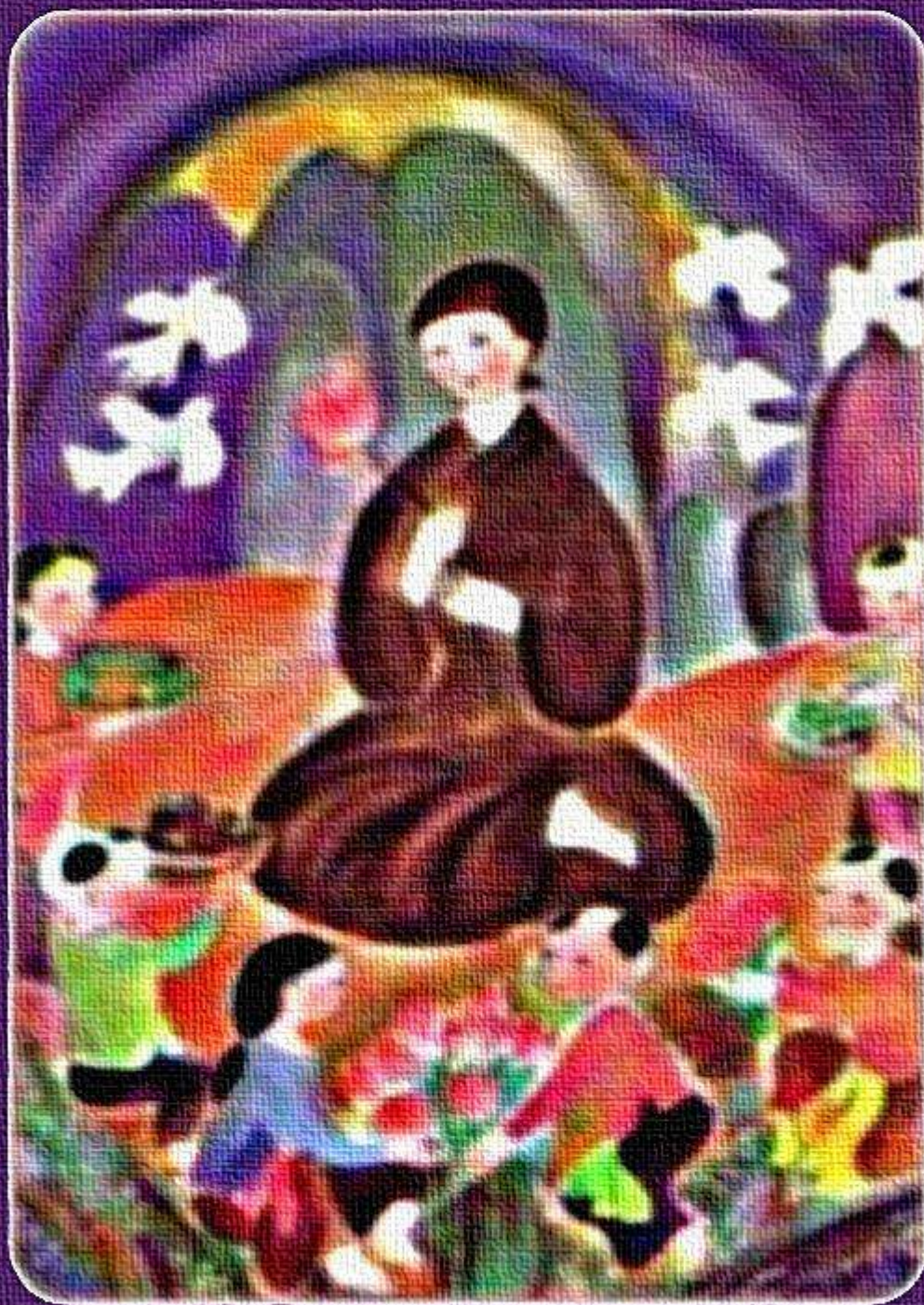


Quan Âm Hương Tích

THE BODHISATTVA ON THE FRAGRANT MOUNTAIN



Thiền sư Nhất Hạnh kể

Sự Tích Quan Âm Hương Tích

thiền sư Nhất Hạnh kể

Đức Quan Âm Nam Hải cư trú ở biển Nam Hải. Ngài thường thường có mặt ở miền duyên hải Việt Nam. Ngài xuất thân là một cô công chúa, tên là Diệu Thiện, nên cũng được gọi là Quam Âm Diệu Thiện. Công chúa không phải là người Việt Nam mà là người nước Hưng Lâm phía Đông Thiên Trúc. Công chúa có hai người chị. Chị đầu tên là Diệu Thanh, chị kế tên là Diệu Âm. Ba chị em đều là những người thông minh, hiền lành và có hiếu với cha mẹ. Vua Diệu Trang Vương và Hoàng Hậu không có con trai, nên rất cung quý ba cô công chúa này. Không có hoàng tử để nối nghiệp, Vua định tìm phò mã (phò mã là con rể của Vua) cho ba cô công chúa, nghĩ rằng sau này sẽ chọn một trong ba người để trao truyền ngôi báu. Hai công chúa Diệu Thanh và Diệu Âm, tuy đã đi lấy chồng nhưng vì cung phủ của họ rất gần cho nên thỉnh thoảng vẫn còn đến thăm mẹ và em gái. Công chúa Diệu Thiện đẹp lắm. Tóc nàng như mây, da nàng như tuyết, miệng nàng như sen. Vì là công chúa thứ ba nên nàng thường được dân chúng gọi là Chúa Ba. Chúa Ba không ưa cư trú cả ngày trong cung điện. Nàng thường xin Vua và Hoàng Hậu đi ra ngoài tiếp xúc với dân chúng để xem thần dân của cha nàng sinh sống ra sao, và cuộc đời của họ có những vui khổ nào. Vì vậy Chúa Ba biết được nhiều khía cạnh của cuộc sống dân dã. Nàng thấy được tình trạng nghèo đói bệnh tật và bất công trong xã hội. Cũng như Phật Thích Ca ngày xưa, Chúa Ba thao thức muốn làm được một cái gì để cho cuộc đời bớt khổ. Từ thuở còn ấu thơ nàng đã biết thương người. Một hôm đi chơi ngoài cửa thành với hai chị, Diệu Thiện đã bảo quân hầu đem hết phần bánh và phần xôi của mình mà phân phát cho các đứa trẻ đói bên đường. Năm đó Diệu Thiện mới có bảy tuổi. Chính Diệu Thiện đã chạy tới và tự đưa nắm xôi trên tay của mình cho một em bé gái cùng tuổi, áo quần rách rưới và tay chân teo lại vì thiếu ăn. Có lần chính mắt Diệu Thiện trông thấy một thiếu phụ với đứa hài nhi của bà trong tay, vừa đi lang thang ngoài đường vừa khóc. Đứa bé đã chết vì thiếu thức ăn và thuốc men.

Từ đó, mỗi lần được phép đi ra cửa thành để chơi, Diệu Thiện thường lên đem theo thóc lúa và vải bô trong kho để chia tặng cho những gia đình nghèo khổ. Hai chị Diệu Thanh và Diệu Âm bao giờ cũng chiều em và không khi nào mách lại điều đó với Vua và Hoàng Hậu. Người lính hầu đánh xe ngựa cho ba chị em đi chơi cũng không bao giờ dám thóc mách.

Từ ngày hai chị lớn lên và đi lấy chồng, Diệu Thiện không còn được phép đi ra ngoài thành nữa. Nhưng trong trí nàng cảnh tượng nghèo khổ và bệnh tật của dân chúng vẫn còn in rõ. Công chúa tự nhủ sau này trở thành người lớn mình sẽ cố gắng làm mọi cách để giúp nước giúp dân.

Từ mấy năm nay ngoài thì giờ học hành và thêu may, công chúa chỉ biết thơ thần một mình trong hoa viên. Vườn thượng uyển là nơi công chúa hay đến dạo chơi và ngồi trầm tư tìm cách cứu khổ cho đời.

Năm Chúa Ba được tròn mười chín tuổi, Vua và Hoàng Hậu muốn tìm người để lập phò mã thứ ba. Một hôm Vua gọi công chúa vào và bảo:

- Con đã đến tuổi lấy chồng. Trong triều có nhiều vị quan văn và quan võ còn trẻ tuổi, con thấy có ai ưng ý thì cứ cho ta biết, ta sẽ chọn người đó.

Chúa Ba đã từng suy nghĩ về điều này rồi. Nàng quỳ xuống tâu với Vua:

- Con xin phép phụ hoàng cho con xuất gia đi tu. Con không muốn lấy chồng.

Chúa Ba đã nói lên được điều nàng ấp ủ trong lòng từ lâu. Chúa biết thế nào là đời sống của một cô công chúa có chồng. Hai chị Diệu Thanh và Diệu Âm từ ngày lấy chồng đã trở nên rất bận rộn. Mỗi lần đến thăm nàng, họ chỉ ở lại được nhiều lắm là một khắc, và chị em không còn có cơ hội cười đùa và dạo chơi trong vườn thượng uyển như ngày xưa. Cả ba chị em gần đây đã không còn tiếp xúc được với cuộc sống dân chúng bên ngoài nữa. Chúa Ba không để ý tới việc

chồng con. Nàng chỉ nghĩ tới việc cứu người và giúp đời. Nàng nghĩ rằng lấy chồng tức là tự giam mình vào trong một thế giới nhỏ hẹp.

Nàng nhớ hồi nhỏ có lần ra khỏi nội thành nàng gặp một ni cô đang chăm sóc và rửa ghè cho mấy đứa trẻ em. Nàng nghĩ nếu đi tu làm ni cô thì nàng cũng sẽ có thể gần gũi được những người đau khổ để giúp đỡ họ. Vì vậy Diệu Thiện đã tâu với Vua là nàng muốn đi tu.

Nghe con gái đòi đi tu Vua giật mình. Vua không hiểu được Chúa Ba. Vua thường bận rộn việc triều đình cho nên ít có thì giờ gần gũi các con. Vua cho là công chúa sinh chứng. Vua bảo Diệu Thiện:

- Cuộc đời của người tu hành cực khổ lắm, con không chịu đựng được đâu. Cuộc đời vua chúa là cuộc đời sung sướng nhất trong khi cuộc đời của người tu hành là cuộc đời khổ nhất. Con là con vua, tại sao lại nghĩ đến chuyện tu hành? Con nên nghĩ lại và vâng lời cha.

Chúa Ba vẫn quỳ dưới gối Vua. Chúa thông thả trình bày cho Vua nghe tất cả nỗi lòng của Chúa. Nhưng Vua vẫn không hiểu được Diệu Thiện. Vua cho là con gái cứng đầu. Xưa nay, chưa có ai dám trái lời Vua như Công Chúa. Vua nổi cơn lôi đình, đòi đem Công Chúa ra chém đầu. Hoàng Hậu khóc lạy mãi Vua mới tha. Theo lời khuyên của Hoàng Hậu, Vua đày Công Chúa ra vườn thượng uyển, không cho Công Chúa sống trong cung điện nữa. Vua nghĩ rằng sau một vài ngày sống cảnh màn trời chiếu đất Công Chúa sẽ bỏ ý định xuất gia. Mỗi ngày một lần, quân hầu đem ra cho Công Chúa một bát cơm và một đĩa muối mè, thức ăn phổ thông của các chùa chiền trong nước.

Sau một tháng sống ở ngự viên, Chúa Ba vẫn không bỏ ý định xuất gia. Nàng còn cảm thấy dễ chịu hơn cả ở trong cung điện. Nàng tập thiền tọa và đi thiền hành. Nàng học xử dụng cốc xéng và cào để chăm bón các khóm hoa và các bụi trúc. Nàng ăn cơm với muối mè rất ngon miệng. Hoàng Hậu và hai chị có tới thăm và khuyên nhủ nàng bỏ ý định xuất gia nhưng tâm nguyện nàng vẫn không hề suy chuyển. Thấy giải pháp đày ra vườn hoa không có hiệu quả, Vua tìm giải pháp khác. Vua cho phép Chúa Ba đi tập sự xuất gia tại chùa Vũ Đồi

ở kinh đô, và mật lệnh cho Hoà Thượng trú trì chùa này phải bắt Chúa Ba làm việc rất nặng nhọc để nàng thối chí. Được Vua cho đi tu Chúa Ba mừng rỡ. Nàng được thọ giới tại chùa Vũ Đoài làm ni cô. Chùa lớn lắm. Có cả mấy trăm tầng ni. Chúa Ba được ở chung với chư Ni bên ni viện. Chúa phải thức dậy lúc ba giờ sáng. Phải chấp tác từ ba giờ sáng đến mười một giờ khuya. Phải gánh nước, giã gạo, trồng khoai, nấu bếp và rửa chén. Công việc giao cho Diệu Thiện là công việc của ba hay bốn người. Các ni cô được lệnh không ai được giúp đỡ Chúa Ba. Ngoài công việc chấp tác, Diệu Thiện còn phải học kinh và bái sám nữa. Nào Kinh Lăng Nghiêm, nào Luật Sa Di, nào Luận Khởi Tín. Công Chúa tìm ra được cách vừa lật rau vừa học bài, vừa cuốc đất vừa ôn kinh. Có mấy ni cô trẻ thấy Chúa Ba làm việc nặng quá sinh lòng thương cảm. Họ lén lút giúp Chúa Ba. Khi Chúa Ba ra giếng gánh nước, ở nhà họ vo gạo và rửa rau cho Chúa. Khi trở lại giếng nước, Chúa Ba đã thấy có hai thùng nước đầy sẵn, chỉ việc gánh về. Trong chùa người ta đồn là có rồng tới lấy nước giúp Chúa và có chim tới lật rau thay Chúa. Tuy làm việc suốt ngày nhưng Chúa Ba vẫn học thuộc kinh luận như mọi người; có khi lại thông hiểu kinh luận hơn mọi người là khác. Sáu tháng trôi qua, không thấy Công Chúa nản lòng, Vua lại nổi trận lôi đình. Vua cho là Hoà Thượng trú trì đã không tuân lệnh Vua và đã dung túng Công Chúa. Vua truyền lệnh đốt chùa.

Vào một đêm không trăng sao, lúc chư Tăng chùa Vũ Đoài còn trong giờ chỉ tịnh, lính nhà Vua tới bao vây chùa rồi phóng hỏa đốt chùa. Ngọn lửa bốc cao. Tiếng người la ơi ơi. Ni cô Diệu Thiện được một bạn đồng tu cho biết là lính của Vua đã được lệnh tới đốt chùa. Ni cô chạy ra thì thấy lửa đã cháy lan tới tầng đường. Lính tráng vây quanh không cho tăng ni chạy thoát. Họ được lệnh đốt chùa và đốt luôn cả mấy trăm tầng ni, trong đó có cả ni cô Diệu Thiện.

Chúa Ba rơi nước mắt nghĩ rằng vì mình mà tất cả tăng ni trong chùa đều sẽ bị chết oan. Bà chấp tay lại thành búp sen, tập trung tâm ý và cầu cứu tới chư Phật và chư Bồ Tát mười phương. Rồi bà cắn ngón tay út cho chảy máu và rẩy giọt máu vào trong lửa. Đột nhiên trên trời có

tiếng sấm động và mưa trút xuống ào ào. Lửa tắt. Quân lính nhà Vua cũng bị ướt. Họ rút về. Sáng ngày hôm sau, họ tâu tỵ sự với Vua.

Vua tức giận tới cực điểm. Vua truyền lệnh bắt lấy Chúa Ba và đem chém ngay vào tối đêm hôm ấy tại pháp trường ở ngoại thành. Hoàng Hậu van xin đến cách mấy, Vua cũng không bớt giận. Hai công chúa Diệu Âm và Diệu Thanh quỳ dưới chân Vua mà khóc lóc đến cách mấy, Vua cũng không đổi ý. Dân chúng xông xáo. Tối hôm đó hàng chục ngàn người kéo nhau tới pháp trường để cầu nguyện cho Chúa Ba. Vua Diệu Trang Vương đích thân tới pháp trường để chứng kiến cái chết của cô công chúa mà Vua cho là bất trung bất hiếu. Đèn đuốc sáng trưng. Ni cô Diệu Thiện, hai tay bị trói đằng sau lưng, được hai tên lính điệu ra giữa pháp trường. Ni cô thản nhiên niệm Phật cầu cho Vua cha thoát khỏi nghiệp báo. Dân chúng vòng trong vòng ngoài khóc như ri.

Đã đến giờ xử trảm. Sau lệnh của trảm quan, ba hồi trống nổi lên, đồng dục. Chúa Ba đang quỳ giữa pháp trường, đầu cúi xuống, cổ đưa ra, đón chờ lưỡi dao của người đao phủ đang đứng một bên. Hồi trống thứ ba vừa chấm dứt, đao phủ thủ vừa đưa chiếc dao sáng loáng lên cao thì một trận cuồng phong thổi tới làm tắt hết đèn đuốc ở pháp trường. Một con bạch hổ ở đâu phóng tới và gầm lên làm mọi người kinh hãi lùi lại. Đao phủ thủ tối tăm cả mặt mày; lưỡi trảm đao của ông ta rơi xuống đất nghe keng một cái.

Khi đèn đuốc được thắp trở lại thì người ta không còn thấy ni cô Diệu Thiện ở đâu nữa. Ai cũng nói rằng cọp trắng đã nhảy vào và mang Công Chúa đi rồi.

Bạch Hổ mang Chúa Ba vào rừng, lên núi rồi đi xa, rất xa, vượt biên giới nước Hưng Lâm và đi lên miền cao nguyên của một nước lạ. Tới một dãy núi, cọp đặt Công Chúa nằm xuống ở một cội cây rồi bỏ đi. Chúa Ba thêm thiếp, nằm mơ thấy mình tới cõi Âm. Nàng được hai tên quỷ sứ dẫn đi coi các cửa ngục dưới âm phủ và chứng kiến những hình phạt của các tội nhân. Những người này hồi còn sống trên dương gian đã làm nên nhiều tội ác nên nay xuống âm phủ bị quỷ sứ

hành hình. Người nói dối thì bị kéo lưới; người sát nhân thì bị liệng vào rừng gươm giáo; người bất hiếu bị đội vòng lửa, người ích kỷ bị nhốt suốt ngày đêm trong một căn phòng u tối, người chế tạo buôn bán vũ khí bị ôm những viên pháo nổ cho tan xương nát thịt; người tham lam bị buộc phải ăn những viên sắt nung đỏ; người tàn nhẫn bị ôm những cột đồng nóng bỏng, da thịt họ cháy xém, làm bay lên một mùi khét lẹt. Chúa Ba nghĩ là mình đã chết và hiện hai tên quý sứ đầu trâu mặt ngựa đang đưa mình tới một nơi nào dưới âm phủ. Tất cả những tên quý sứ dưới địa ngục đều có vẻ tàn ác; riêng hai tên quý sứ dẫn nàng đi thì lại rất lễ phép. Chúa Ba lên tiếng hỏi chúng để xem chúng đang dẫn nàng đi đâu. Một tên trả lời:

- Bạch Ni Cô, Ni Cô chưa chết đâu. Vua Diêm Vương muốn mời Ni Cô xuống thăm cõi Âm cho biết và luôn dịp để Vua được gặp gỡ Ni Cô. Chúng con đang đưa Ni Cô đến gặp ngài...

Một lát sau, Chúa Ba vào đến cung điện thâm nghiêm của Diêm Chúa. Ở đây mọi người đều lễ phép. Diêm Chúa tự thân ra cổng điện để đón Chúa Ba vào. Ông cũng biết chấp tay thành búp sen để chào Diệu Thiện. Vua cõi Âm mời Chúa Ba uống trà rồi truyền quân hầu đem lên dâng một trái đào. Trái đào được đặt trên một chiếc khay bằng ngọc. Vua ân cần mời Ni Cô ăn đào, nói rằng đó là một trái đào tiên, ăn vào thì phục hồi được sức khỏe.

Vua hỏi thăm Chúa Ba để biết nàng đã được đi xem qua những cảnh tượng địa ngục chưa. Nghe Vua hỏi, Diệu Thiện nhớ lại tất cả những cảnh tượng đau thương và hãi hùng mà nàng vừa thấy. Nàng thương xót đến chảy nước mắt. Ni Cô chấp tay nhắm đôi mắt lại và phát nguyện cứu độ cho mọi loài. Định lực của Công Chúa rất mạnh; tâm niệm của Công Chúa rất thành; khiến cho thế giới địa ngục rung động. Tiếng kêu thương của chúng sanh tự nhiên bật dứt. Diêm Chúa chấp tay khen ngợi:

- Đức từ bi của Ngài thật rộng lớn và màu nhiệm. Những cảnh khổ dưới địa ngục đã giảm bớt rất nhiều nhờ tâm lực của Ngài. Thôi, quả nhân không dám giữ Ngài lâu. Xin cho người đưa

Ngài trở về dương thế. Quả nhân tin chắc rằng Ngài sẽ tu hành rất tinh tiến và sẽ thành đạo ngay nội trong kiếp này.

Nói xong, Vua bảo hai tên quý sứ đưa Chúa Ba về trần. Nhìn lại, Chúa Ba thấy hai tên quý sứ không còn là đầu trâu mặt ngựa nữa. Họ đã biến hình thành những người thường, mặt mũi hiền lành. Họ đưa Chúa Ba vượt qua mười cửa ngục. Tất cả những cảnh tượng nào lòng mà Chúa thấy trước đây đã hoàn toàn biến mất. Địa ngục đã trở thành một nơi yên tĩnh và vắng vẻ. Tới một cây cầu bắc ngang qua sông, hai người lính hầu chấp tay thưa với Chúa Ba rằng bên kia sông là dương trần và bà chỉ cần vượt qua cầu là tới. Họ được lệnh không được sang bên kia bờ. Chúa Ba cảm ơn hai người rồi nhẹ bước lên cầu. Tới giữa cầu nhìn xuống nước, Chúa thấy nước chảy xiết quá. Chóng mặt, Chúa sẩy chân rơi xuống sông. Vừa lúc ấy thì Chúa tỉnh dậy.

Ni cô Diệu Thiện tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trên núi, trong một bóng cây, hai tay bị trói sau lưng. Nàng nhớ lại những gì đã xảy ra cho mình. Lính của Vua Cha tới đốt chùa. Mình bị Vua cha đem ra xử chém. Cọp trắng nhảy vào pháp trường mang mình đi. Mình ngất đi trên lưng cọp. Rồi mình nằm mơ thấy xuống thăm cõi Âm. Đây là đâu? Công Chúa tự hỏi. Có thể là cọp trắng đã đem mình lên đây. Chúa cảm thấy dây trói hai tay mình rất lỏng lẻo. Không nỡ để nàng bị đau, người lính đã chỉ quấn dây quanh hai cổ tay nàng cho có lệ. Lần gõ một hồi, Ni sư Diệu Thiện tháo được tay ra. Vừa lúc ấy có nhạc ngựa văng vẳng. Ni sư vừa đứng được dậy thì trước mặt cô xuất hiện một người trai trẻ dung mạo khôi ngô, tay cầm cương ngựa, theo sau là một con ngựa hồng. Người đó cúi đầu chào. Công Chúa chấp hai tay đáp lễ. Người đó hỏi thăm Công Chúa là ai, tại sao lại đứng một mình trên chốn núi non quanh quẽ này. Công Chúa Diệu Thiện kể cho người kia nghe về thân thế mình. Người trai trẻ nói cho Công Chúa biết là hiện Công Chúa đang ở trong địa phận nước Đại Việt trên dãy núi Tam Đảo thuộc địa phận tỉnh Sơn La. Người đang nói chuyện với Công Chúa là Hoàng Tử nước Đại Việt tên là Lý Phật Mã, đang một mình một ngựa dạo chơi những nơi non nước thanh tú của quê hương chàng. Nghe chuyện Công Chúa, Hoàng Tử rất lấy làm

thương cảm. Tuy đã xuất gia và ăn mặc nâu sồng, Công Chúa vẫn đẹp như hồ sen một buổi sớm mai. Hoàng Tử cầu hôn với Công Chúa, nói rằng nếu Công Chúa bằng lòng, chàng sẽ đưa Công Chúa về thành Thăng Long để trình với phụ vương là Vua Lý Thái Tổ. Chúa Ba thưa với Hoàng Tử Đại Việt là nàng đã nhất quyết muốn sống cuộc đời xuất gia rồi. Thái Tử Phật Mã cũng là người Phật tử nên hiểu ngay và rất kính trọng chí nguyện xuất gia của Chúa. Chàng nói:

- Vậy thì xin Công Chúa ở lại nước Đại Việt mà tu hành cho tới khi thành đạo, đừng có trở về bên quý quốc mà gặp hiểm nguy. Cách đây chừng mấy ngày đường, có một động đá rất đẹp, gọi là Động Hương Tích. Nếu Công Chúa bằng lòng, tôi sẽ đưa Công Chúa về đó để mà ẩn tu. Động Hương Tích thuộc về địa phận Làng Dục Khê, ở phủ Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông. Tôi đã tới đấy hai lần và thấy chốn đó là một nơi tu hành rất thuận lợi.

Thái Tử Phật Mã nhường ngựa cho Chúa Ba ngồi. Chàng cầm cương dắt ngựa đi mãi, đi mãi; ba ngày sau thì tới được sơn phận Làng Dục Khê.

Tới đây, Thái Tử buộc ngựa, thuê một chiếc thuyền nan, rồi mời Chúa Ba xuống thuyền. Chàng tự tay chèo thuyền đưa Chúa Ba đi. Con sông chảy quanh co giữa hai bờ núi. Cảnh tượng thật là màu nhiệm. Từ màu trời, sắc nước cho đến hình cỏ bóng cây, nơi nào cũng đẹp. Thái Tử chỉ cho Chúa Ba xem một ngọn núi trông giống như một con voi phục. Chúa Ba thấy như voi đang đưa cái vòi của nó chúc xuống ruộng lúa. Bên đầu voi, rõ ràng là có một cái tai voi. Lên bờ, Thái Tử đưa Chúa Ba leo núi đi lên động Hương Tích. Hai người trèo tới xế chiều thì vào tới cửa động. Tới đây, Thái Tử xin phép trở về Xóm Dục Khê kéo trời tối. Sáng mai chàng phải lấy ngựa về kinh đô cho kịp hẹn với phụ vương.

Tìm được nơi thuận lợi để tu hành, Chúa Ba mừng lắm. Tại động Hương Tích này, nàng có nơi tụng kinh, nơi ngồi thiền, nơi nằm ngủ, nơi giặt áo, nơi trồng rau. Trong thời gian tu học tại chùa Vũ Đoài, Chúa đã học được rất nhiều điều mà Chúa có thể đem ra ứng dụng.

Thực phẩm của Bà là trái cây, rau lá, và khoai củ đào được. Trong những tháng đầu, Bà không ăn một hạt ngũ cốc. Sau đó, có một bác tiêu phu lên núi đốn củi đã khám phá ra sự có mặt của Bà. Bác đem cúng đường một ít gạo để thỉnh thoảng Bà nấu cơm. Bà tu hành rất tinh tiến. Trong lúc Bà ngồi thiền, chim và vượn thường tìm đến gần Bà. Chim và vượn thường kêu hót vang rừng, nhưng mỗi khi kéo tới gần Bà thì chúng im lặng. Có khi chúng hái các loại trái cây đem để trước mặt Bà. Nhiều khi xuất định thấy trái cây để sẵn trước mặt, Bà mỉm cười. Chim và vượn trong rừng chẳng mấy lúc đều đã trở thành bạn thân của ni cô Diệu Thiện. Có khi ngoài trái cây trong rừng, chúng còn hái đem tới cho Bà nhiều thứ lá lạ và thơm nữa.

Tu hành được khoảng chừng bốn năm, trí tuệ của Chúa Ba bỗng nhiên bùng tỏa. Bà đã thấy được đạo. Ngồi ở hang động, Ba có thể nghe được tiếng kêu khóc của mọi loài trên thế giới. Ngồi ở trong động, Chúa có thể thấy được cảnh tượng khổ đau của muôn loài chúng sanh. Từ đó, Bà thỉnh thoảng xuống núi vào làng dạy đạo cho người lớn và thiếu nhi trong làng. Bà lại còn cứu giúp cho những người bệnh tật và nghèo khổ trong xóm. Thiếu nhi tới học đạo với Bà rất đông. Bà dạy cho thiếu nhi nào văn hóa, nào đạo đức, nào tình thương và nào hành động. Có hai thiếu nhi xin được theo Bà vào núi để học đạo, một trai, một gái. Em trai là con mồ côi, được Bà đặt tên là Thiện Tài. Em gái là con một người dân chài. Nó đã được Bà cứu cho khỏi chết đuối một lần gần bến Đục. Bà đặt cho nó tên Long Nữ.

Thiện Tài và Long Nữ đều là những thiếu nhi thông minh, nên học đâu hiểu đấy. Ba thầy trò sống trên động Hương Tích rất tương đắc. Ngoài việc học chữ, học kinh, thiền tọa và kinh hành, hai thiếu nhi còn biết trồng rau, trồng khoai và tria bắp. Họ còn theo thầy đi hái các thứ dược thảo trong rừng để về làm thuốc chữa bệnh cho dân làng. Tiếng đồn vang từ hai thôn Dục Khê và Yến Vĩ tới khắp cả phủ Mỹ Đức, là trên động Hương Tích có một tiên nhân có thể chữa lành cho nhiều người bệnh, kể cả những con bệnh thập tử nhất sinh. Thiện Tài và Long Nữ chưa biết Chúa Ba là một bà công chúa nước ngoài. Họ chỉ biết là thầy họ là một người có trí tuệ cao vời và tình thương rộng

lớn. Bà thường nhắc với hai trẻ rằng làm thuốc mà hay là nhờ ở sự hiểu biết và lòng thương yêu.

Hai người đệ tử của Chúa Ba đều siêng năng và can đảm. Cả hai đều tu học tinh tiến. Họ trở nên những người phụ tá đắc lực của Chúa Ba. Họ rất thương yêu và cung kính Bà, nhưng họ chưa biết rằng Bà đã đắc đạo, đã thành Phật, nghĩa là đã trở nên một bậc giác ngộ lớn. Có đêm nhìn vào động trong, họ thấy ánh sáng chói lòa. Thầy của họ ngồi tĩnh tọa trong ấy và ánh sáng phát ra từ trên trán và khắp châu thân. Có những buổi sáng ngồi nghe Bà giảng kinh bên bờ suối, hai người nhận thấy chim chóc trên rừng bay đến đậu thật nhiều trên những cành cây kế cận và cá ở dưới nước cũng đến gần để chăm chú nghe kinh. Cả hai người tâm nguyện sẽ tu để đạt tới trình độ của thầy.

Một buổi sáng nọ, khi vào động trong để dâng trà nước cho thầy, Long Nữ thấy thầy mình ngồi yên trên thạch bàn, hai mắt lộ vẻ buồn. Long Nữ bạch hỏi thì Bà bảo là thân phụ của Bà đang bị tai nạn, Bà phải đi cứu chữa. Long Nữ hỏi chừng nào đi thì Bà không trả lời. Bà chỉ dặn là suốt buổi sáng ngày hôm ấy, hai anh em đừng vào trong động, để yên cho Bà ngồi nhập định.

Trong định Bà thấy Vua Diệu Trang Vương nằm bệnh trong cung ở nước Hưng Lâm, tay chân bại liệt. Bà thấy nghiệp xấu mà Vua cha đã gây trong quá khứ bây giờ đang trở lại làm hại người. Trước đây, Vua đã từng tạo ra nhiều cuộc chiến tranh, khiến cho hàng ngàn người thiệt mạng. Vua lại còn có bản tính kiêu hãnh và nóng nảy khiến cho hành động của Vua thường thiếu sáng suốt. Hiện giờ trên giường bệnh, Vua đau đớn không sao kể xiết. Tất cả các thầy thuốc giỏi trong nước đã chịu bó tay. Vua truyền yết bảng khắp trong nhân gian, hứa rằng ai chữa lành bệnh cho Vua thì sẽ được Vua truyền ngôi báu. Không rời khỏi động Hương Tích, Chúa Ba dùng thần lực hóa thân làm một ông thầy thuốc già tới trước cửa cung điện, giật lấy tấm bảng, đòi vào chữa bệnh cho Vua. Quân hầu đưa người thầy thuốc già vào cung chẩn bệnh.

Ông thầy thuốc tâu với Vua rằng bệnh Vua là bệnh nan y, chỉ có thể chữa trị được bằng cách đi xin một cánh tay và một con mắt của một vị tiên nhân tu hành đắc đạo về để luyện thuốc uống. Ai cũng cho đó là điều không thể làm được. Vua nói:

- Ai lại chịu cho mình cắt tay và móc mắt bao giờ?

Ông thầy thuốc quỳ tâu:

- Hạ nhân có biết một vị tiên nữ đắc đạo trên núi Hương Tích ở nước Đại Việt. Đó là một bậc Bồ Tát có lòng từ bi rất lớn. Nếu bệ hạ cho một phái đoàn sang xin thì chắc chắn là người sẽ ban cho tay và mắt.

Rồi ông thầy thuốc vẽ bản đồ, chỉ đường cho phái đoàn sang nước Đại Việt. Riêng ông, ông ở lại trong cung để làm con tin. Các quan nói nếu phái đoàn đi về mà không xin được mắt và tay tiên nhân thì ông thầy thuốc sẽ bị đem ra xử trảm.

Phái đoàn nước Hung Lâm tới được Làng Dục Khê sau ba mươi ngày trèo non lặn suối. Thiện Tài và Long Nữ được thầy phái ra bến Đục rước họ lên động. Bà móc một con mắt bên trái và chặt cánh tay trái trao cho phái đoàn đem về.

Với tay và mắt ấy, ông thầy thuốc chế nên một thứ linh dược chữa được cho Vua Diệu Trang Vương lành một bên thân thể. Vua đã có thể cử động được tay trái và chân trái, nhưng tay phải và chân phải của Vua vẫn giữ nguyên tình trạng cũ. Ông thầy thuốc đề nghị là phải xin nốt con mắt và cánh tay còn lại của tiên nhân.

Vua, Hoàng Hậu và các quan ai cũng thấy điều đó là quá mức. Nhưng ông thầy thuốc đã quỳ xuống tâu:

- Người tu hành có tâm địa rộng rãi không bến bờ. Hạ thần tin chắc nếu bệ hạ cho người đến xin, đức Bồ Tát sẽ vui lòng bố thí.

Phái đoàn lại lên đường và xin được mắt phải và tay phải của Chúa Ba. Lần này, Vua được hoàn toàn bình phục. Trong lòng Vua, cũng như trong lòng Hoàng Hậu, nảy sinh ra một tâm niệm biết ơn và cảm

phục. Trung thành với lời hứa, Vua truyền lệnh chuẩn bị làm lễ trao truyền ngôi báu cho vị lương y già. Trong thời gian bệnh hoạn, Vua đã có dịp hồi tưởng lại quãng đời quá khứ của mình và thấy được những sai lầm mà Vua đã mắc phải. Vua nguyện sám hối và sống cho xứng đáng với tấm lòng quảng đại của bậc tiên nhân bồ tát bên nước Đại Việt. Vua thành thực muốn truyền ngôi báu cho ân nhân mình là ông thầy thuốc. Nhưng vị lương y này không nhận. Ông bảo phận sự của ông là chữa bệnh cứu người chứ không phải là cầm quyền chính trị. Ông thầy thuốc từ biệt ra đi không nhận bất cứ một sự đền ơn nào của Vua. Vua rất lấy làm cảm phục. Vua truyền lệnh sắm sửa xe loan để Vua và Hoàng Hậu thân hành sang nước Đại Việt bái kiến và cảm tạ tiên nhân.

Vua, Hoàng Hậu và đoàn hộ giá vừa ra khỏi biên giới thì có âm mưu đảo chính tại nước Hưng Lâm. Các phò mã của Vua Diệu Trang Vương là những người chủ chốt cuộc âm mưu. Họ dùng quân đội lật đổ chính quyền và chiếm đoạt ngôi báu. Phò mã thứ nhất, chồng của công chúa Diệu Thanh, lên làm Vua. Phò mã thứ hai, chồng của công chúa Diệu Âm, lên làm tể tướng. Họ đem giam vào ngục tối tất cả mọi thành phần chống đối trong đó có công chúa Diệu Thanh, công chúa Diệu Âm và các quan đại thần nhiếp chính.

Tại động Hương Tích, Chúa Ba thấy được tất cả những điều ấy. Bà thấy trong ngục tối hai chị trở nên tinh thức, và bắt đầu ăn chay, ngồi thiền và niệm Phật. Lập tức Bà cùng hai vị đệ tử tọa thiền nhập định và hóa thân đi về nước Hưng Lâm để giải cứu đất nước. Ba thầy trò hóa thân thành ba người học trò. Chỉ trong vòng năm hôm, họ điều động được dân chúng và quân đội chiếm lại chính quyền, giải phóng tất cả những người bị giam cầm và đưa quyền bính lại cho quan đại thần nhiếp chính.

Công việc xong xuôi họ đưa hai công chúa Diệu Thanh và Diệu Âm lên đường đuổi theo phái đoàn hành hương của Vua và Hoàng Hậu. Mười hôm sau, hai công chúa theo kịp và tháp tùng vào phái đoàn. Ba người học trò sau khi hộ tống hai công chúa theo kịp phái đoàn hoàng gia, đã giã từ để trở về kinh đô nước Hưng Lâm. Trên con đường về

núi Hương Tích, hai công chúa kể lại mọi tình tiết về cuộc đảo chính cho Vua và Hoàng Hậu nghe. Vua và Hoàng Hậu một lòng tiếp tục cuộc hành hương sang Đại Việt.

Ở núi Hương Tích, Thiện Tài và Long Nữ chuẩn bị tiếp phái đoàn hoàng gia. Hai người đệ tử của Chúa Ba bây giờ đã biết rõ tung tích Bà. Họ rất sung sướng được làm những người đệ tử thân cận nhất của Bà mà họ biết là một vị Bồ Tát lớn. Thầy của họ đã thành Phật nên có cả ngàn mắt ngàn tay. Nhận thức và hành động của Bà thật là quảng đại, không thể đo lường. Cho đi hai cánh tay và hai con mắt mà pháp thân của Bà vẫn không hề suy yếu. Hóa thân của Bà còn là vô số vô biên.

Sáng hôm đó, biết là phái đoàn hoàng gia nước Hưng Lâm tới nên hai anh em Thiện Tài và Long Nữ đã đợi sẵn ở Bến Đục với một chiếc thuyền rộng. Hai người giả dạng làm người đưa thuyền. Họ rước Vua, Hoàng Hậu và hai công chúa lên thuyền. Đoàn tùy tùng phải ở lại bến để đợi lệnh. Thuyền lướt nhẹ trên dòng sông im lặng. Hai người chèo thuyền cũng lặng thinh. Ai cũng lặng yên ngắm trời, ngắm mây, ngắm núi, ngắm nước. Cảnh tượng Hương Sơn thật là thanh tú, màu nhiệm. Tới bến, mọi người bắt đầu leo trèo để lên động Hương Tích.

Lên tới động Thiện Tài mời Vua, Hoàng Hậu và hai công chúa ngồi nghỉ trên những tấm thạch bàn ở trước cửa động trong khi Long Nữ đi nấu nước hồng mai làm trà thết đãi. Trên núi Hương Tích có rất nhiều gốc mai già cằn cỗi. Ba thầy trò đã đốn những gốc mai ấy và chẻ ra để làm trà uống, rất thơm. Họ gọi đó là thiên trà. Gỗ mai màu hồng nên trà cũng màu hồng. Sau khi mọi người đã nghỉ ngơi và uống trà, Long Nữ đứng dậy chỉ đường cho Vua, Hoàng Hậu và hai công chúa vào động. Long Nữ đã được lệnh Phật Bà đứng hầu ngoài cửa động với sư huynh Thiện Tài.

Vua, Hoàng Hậu và hai công chúa từ từ tiến vào trong động. Cảnh tượng trang nghiêm và lặng lẽ. Tuy họ đi rất nhẹ mà bước chân họ vẫn có âm vang vào trong lòng động sâu thẳm. Muôn ngàn thạch nhũ

rũ xuống, như những chiếc màn từ trần động buông xuống đủ màu. Ánh sáng yếu dần. Mọi người dừng lại trước một cái rèm thạch nhũ như ngăn cách Động Trong và Động Ngoài. Đứng phía trước rèm, Vua Diệu Trang Vương kính cẩn lên tiếng chào vị tiên nhân đã từng cứu mạng cho mình:

- Chúng tôi là phái đoàn hoàng gia nước Hưng Lâm kính cẩn xin ra mắt tiên nữ.

Những âm thanh vang vào vách động và vọng lại tai bốn người. Sau đó là im lặng. Không có tiếng trả lời của Bồ Tát. Vua nhìn Hoàng Hậu bảo nhẹ:

- Trẫm là đàn ông, không tiện đi vào sau rèm. Hoàng Hậu thử đi vào phía trong xem tiên nữ có mặt trong ấy hay không.

Hoàng Hậu tuân lệnh Vua, một mình rón rén bước vào phía bên kia bức màn thạch nhũ. Động Trong êm mát và thâm nghiêm, nhưng lại tối hơn Động Ngoài. Định thần nhìn kỹ, Hoàng Hậu thấy đứng trên bệ đá một người con gái tóc buông dài phía sau lưng, hai mắt bị khoét, hai cánh tay bị chặt cụt, máu đang chảy từng giọt xuống nền thạch động.

Phật Bà đã hóa thân làm Chúa Ba hồi còn mười chín tuổi để cho Hoàng Hậu có thể nhận ra đó là con gái út của mình.

Nhận ra được tiên nữ vốn là Chúa Ba, Hoàng Hậu xúc động kêu lên một tiếng và ngã ra bất tỉnh.

Nghe tiếng kêu, hai công chúa Diệu Thanh và Diệu Âm lật đật chạy vào và đỡ Hoàng Hậu dậy. Vua Diệu Trang Vương cũng vội vã chạy vào. Hoàng Hậu đã tỉnh. Bà khóc lóc trong vòng tay hai người con gái lớn. Nhận ra Chúa Ba trong tình trạng không mắt không tay, Vua cũng xúc động ôm mặt khóc. Vua đâu có ngờ con gái út mình còn sống sót, đã thoát được ra nước ngoài để tu hành cho đến thành Phật thành Tiên.

Chúa Ba từ trên bệ đá cũng đã bước xuống. Chúa mời mọi người ngồi trên những cái bệ đá. Rồi Chúa kể cho cha mẹ và hai chị nghe về cuộc đời tu học của mình. Vua rất lấy làm ân hận. Vua nói:

- Cha đã lầm đường lạc nẻo, may nhờ có con tu hành đắc đạo nên không những đã cứu mạng cha mà còn cứu được cả quê hương. Con ơi, vì lỗi lầm của cha mà nay con đã trở thành không mắt không tay, cha biết làm sao để cho con khôi phục lại hình hài như cũ?

Nói xong Vua úp mặt trong tay khóc. Chúa Ba thưa:

- Nếu phụ vương và mẫu hậu phát đại nguyện từ nay bỏ dũ làm lành, tinh tiến tu học để đoạn trừ phiền não và cứu độ chúng sanh thì chắc là con sẽ khôi phục lại được hình hài như thuở trước.

Nghe con nói như vậy, Vua và Hoàng Hậu cùng quỳ xuống chấp tay và cúi đầu phát lời thề trọng đại. Vua trang trọng hứa:

- Lạy chư Phật trong mười phương, chúng con xin nguyện từ đây sẽ nỗ lực tu học để diệt lần tham lam, sân hận và si mê, và xin cố gắng hết sức để bảo vệ sự sống cho mọi người và mọi loài.

Khi Vua và Hoàng Hậu ngừng đầu lên thì phép màu đã hiển hiện: công chúa Diệu Thiện đã khôi phục được hai mắt và hai tay, hoàn toàn lành lặn như mười năm về trước. Cả bốn người mừng rỡ tới ôm lấy công chúa khóc.

Sau đó Vua, Hoàng Hậu và hai công chúa lớn ở lại học đạo với Chúa Ba trọn một năm trời trước khi lên đường trở về quê cũ.

Tiếng đồn tại núi Hương Tích có người tu hành đắc đạo cứu độ được cho vô lượng vô số chúng sanh đã lan rộng từ tỉnh Hà Đông đến các tỉnh kế cận và lên tới kinh đô. Vua Lý Thái Tông nghe tin liền tổ chức một cuộc hành hương về viếng Phật Bà tại động Hương tích. Vua chính là thái tử Phật Mã của mười năm trước, người đã đưa lối chỉ

đường cho Chúa Ba về tu tại động Hương Sơn. Vua đem theo rất nhiều bông sen trắng để cúng dường. Đó là vào mùa hè năm Đinh Tỵ.

Nghe đồn Vua đã được gặp mặt Phật Bà Hương Tích để chiêm bái và nghe Bà thuyết pháp. Vua rất khâm phục đức độ, trí tuệ và hành động của Bà. Về triều, Vua ban chỉ bố cáo với thần dân khắp xứ Đại Việt là một đức Bồ Tát Quan Âm đã tu hành đắc đạo ở nước Đại Việt. Danh hiệu của Bà tại đây là Đức Quan Âm Nam Hải.